TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2019/DS-ST
Ngày 14 – 5 – 2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Bằng

2. Bà Tạ Thị Huế

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thuý Nguyên – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần H; địa chỉ trụ sở số 373C, đường Nguyễn Văn C, phường A, quận N, thành phố C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Văn N; cư trú tại số 297/25, đường Bùi Đình T, phường B, quận Th, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/12/2018, có mặt).

Bị đơn: Anh Lý Chánh Đ; cư trú tại nhà không số, đường N, khóm M, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Trương Thị Phượng O; cư trú tại nhà không số, đường N, khóm M, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần H (gọi tắt là Công ty H) là nhà phân phối thiết bị nhựa của khu vực miền tây cho Công ty nhựa T phía nam (gọi tắt là Công ty T). Do tin tưởng anh

Lý Chánh Đ là nhân viên của Công ty T nên bộ phận bán hàng của Công ty H đã nhiều lần cho anh Đ lấy hàng hóa là thiết bị nhựa của Công ty H để bán cho những đại lý và khách hàng khác nhằm mở rộng thị trường khu vực Cà Mau, việc thỏa thuận lấy hàng hóa trên, không liên quan gì đến Công ty T, Công ty T cũng không biết việc thỏa thuận này. Tính từ ngày 11/01/2017, anh Đ đã lấy hàng hóa của Công ty H với tổng số tiền là 839.821.384đ, anh Đ đã trả được số tiền 188.271.094đ, hiện anh Đ còn nợ lại số tiền 651.550.290đ. Mặc dù, anh Đ là người trực tiếp lấy hàng hóa nhưng việc anh Đ bán hàng cho những ai Công ty H không quan tâm bởi Công ty H không trả lương cho anh Đ, giữa Công ty H với anh Đ mua bán với phương thức mua đứt bán đoạn, anh Đ lấy hàng hóa bán cho đại lý, cho khách hàng nếu có lãi thì anh Đ hưởng còn lỗ thì anh Đ tự chịu miễn sao anh Đ trả tiền lấy hàng hóa theo hóa đơn mà Công ty H đã xuất bán cho anh Đ nên Công ty H khởi kiện yêu cầu anh Đ cùng vợ là chị Trương Thị Phượng O trả một lần hết số tiền còn nợ trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu anh Đ có trách nhiệm trả một lần hết số tiền nợ 651.550.290đ mà không yêu cầu chị O cùng có trách nhiệm trả nợ.

Đối với việc chị O tự định giá giá trị căn nhà và đất tọa lạc tại phường K, thành phố C. Đồng thời, có ý kiến giao ½ giá trị căn nhà và đất thuộc phần anh Đ được hưởng (vì đây là tài sản chung của vợ chồng) nếu Công ty H đồng ý lấy trừ số tiền nợ của anh Đ thì Công ty phải hoàn trả lại cho chị ½ giá trị tài sản còn lại nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với ý kiến của chị O và cho rằng việc này giữa Công ty H cùng các bên sẽ tự thỏa thuận, thương lượng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lý Chánh Đ (bị đơn) trình bày:

Anh là nhân viên kinh doanh của Công ty T quản lý khu vực Cà Mau và có trách nhiệm phân phối, mở rộng thị trường cho Công ty T. Trong thời gian làm việc, do đại lý Huỳnh Gia ở Cà Mau không cung cấp hàng để mở rộng thị trường nên anh và Công ty H thỏa thuận bằng lời về việc anh sẽ bán hàng hóa là thiết bị nhựa cho Công ty H. Theo đó, Công ty H sẽ cung cấp hàng để anh Đ bán cho các đại lý và khách hàng ở Cà Mau. Sau đó, anh Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho Công ty H trong tháng, tuy rằng anh hưởng lương từ Công ty T nhưng việc thỏa thuận này không liên quan gì đến Công ty T, anh cũng không nhận bất cứ lợi nhuận nào từ Công ty H.

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/01/2017 đến tháng 6/2018, trung bình mỗi tháng anh lấy hàng của Công ty H để bán cho đại lý và khách hàng với số tiền là 300.000.000đ. Tính đến tháng 6/2018, anh còn nợ Công ty H số tiền 651.550.290đ trong đó, số tiền 322.896.678đ anh nhận từ khách hàng nhưng chưa trả lại cho Công ty H còn lại số tiền 328.653.612đ, anh bán hàng cho Công ty Đại Lợi nhưng chưa thu hồi được vì hiện Công ty Đại Lợi đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Nay anh Đ chỉ đồng ý trả cho Công ty H số tiền 322.896.678đ, số tiền còn lại Công ty Đại Lợi phải có trách nhiệm trả cho Công ty H. Hiện hoàn cảnh anh khó khăn nên anh Đ yêu cầu

được trả số tiền 322.896.678đ trong thời hạn 12 tháng. Đồng thời, khoản nợ trên anh Đ xác định không liên quan đến chị O (vợ của anh) bởi số tiền 322.896.678đ, anh đã dùng vào việc đầu tư mua cổ phiếu qua mạng nhưng thua lỗ nên không thu hồi vốn được để trả cho Công ty H, chứ anh không mang tiền về phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Vì vậy, chị O không có trách nhiệm gì đối với khoản nợ này.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án,Trương Thị Phượng O (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Chị có biết việc anh Đ là nhân viên của Công ty T và hàng tháng anh Đ có đưa tiền lương về cho chị lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, ngoài tiền lương chị không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ phía anh Đ. Đến tháng 11/2018, anh Đ nghỉ việc từ đó không đưa khoản tiền nào cho chị, riêng khoản nợ của anh Đ với Công ty H, chị không biết và xác định đây là nợ riêng của anh Đ nên chị không có trách nhiệm trả số nợ này. Đối với căn nhà và đất đang ở tọa lạc tại phường K, thành phố Cà Mau là tài sản chung của vợ chồng, có giá trị 700.000.000đ, trường hợp Công ty H lấy để trừ nợ thì chị cũng đồng ý giao ½ giá trị căn nhà thuộc phần anh Đ được hưởng nhưng Công ty H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị số tiền là 350.000.000đ (tương ứng ½ giá trị nhà, đất). Đồng thời, do sức khỏe yếu nên chị O xin Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về việc đòi lại tài sản, cụ thể là tranh chấp về việc đòi lại số tiền 651.550.290đ (sáu trăm năm mươi mốt triệu năm trăm năm chục nghìn hai trăm chín chục đồng). Nguyên đơn cho rằng, bị đơn đã lấy hàng hóa của nguyên đơn bán cho các đại lý và khách hàng tính đến tháng 6/2018, với số tiền 839.821.384đ nhưng bị đơn chỉ trả được số tiền 188.271.094đ, hiện còn nợ lại số tiền 651.550.290đ nên yêu cầu bị đơn trả lại. Riêng bị đơn thừa nhận có lấy hàng hóa của nguyên đơn để bán cho các đại lý, khách hàng ở khu vực Cà Mau và tính đến tháng 6/2018, số tiền bán hàng còn thiếu chưa trả cho nguyên đơn đúng như số tiền nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng việc bị đơn lấy hàng bán cho nguyên đơn nhằm mở rộng thị trường chứ không hưởng lợi hay được nguyên đơn trả lương từ việc bán hàng này và trong số tiền nguyên đơn yêu cầu, bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 322.896.678đ mà bị đơn đã nhận từ khách hàng, số tiền còn lại là 328.653.612đ do Công ty Đại Lợi mua hàng chưa trả nên nguyên đơn có trách nhiệm đòi Công ty Đại Lợi trả, bị đơn không có trách nhiệm trả lại số tiền này. Từ đó, giữa các đương sự phát sinh tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp thấy rằng, tuy bị đơn là nhân viên của Công ty T, được Công ty T trả lương nhưng việc bị đơn lấy hàng, bán hàng hóa cho nguyên đơn, thì Công ty T không biết nên không có trách nhiệm gì trong việc thỏa thuận mua bán trên đều này được các đương sự thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không đưa Công ty T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Mặt khác, việc bị đơn có thỏa thuận bằng lời, có lấy và bán

hàng hóa của nguyên đơn từ ngày 11/01/2017 đến tháng 6/2018 với tổng số tiền hàng là 839.821.384đ, bị đơn đã trả được số tiền là 188.271.094đ, hiện còn nợ lại số tiền 651.550.290đ chưa trả cho nguyên đơn là sự thật, được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh.

Tuy nhiên, với các chứng cứ có tại hồ sơ không thể hiện việc bị đơn lấy hàng hóa thay cho khách hàng hay đại lý và khách hàng, đại lý đã trực tiếp thanh toán tiền mua hàng hóa cho nguyên đơn trong khi bị đơn bán hàng hóa cho ai, số lượng bao nhiêu, phương thức thanh toán như thế nào thì do bị đơn tự quyết định, nguyên đơn không tham gia, không giao kết hợp đồng với khách hàng hay đại lý do phía bị đơn chào bán, giữa các bên cũng không ký kết hợp đồng mua bán để ràng buộc trách nhiệm của khách hàng, của đại lý với nguyên đơn mà các tài liệu, chứng cứ chỉ thể hiện về mặt thời gian lấy hàng, tên loại hàng hóa, số lượng, giá tiền của hàng hóa nguyên đơn đã bán cho bị đơn nên việc bị đơn cho rằng số tiền 328.653.612đ mà Công ty Đại Lợi mua hàng chưa trả cho bị đơn thì Công ty Đại Lợi có trách nhiệm trả cho nguyên đơn, bị đơn không có trách nhiệm trả là chưa có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp địa chỉ Công ty Đại Lợi nhưng bị đơn không biết, không rõ địa chỉ nên không cung cấp được trong khi nguyên đơn xác định không biết, không đặt ra yêu cầu gì với Công ty Đại Lợi. Dù rằng, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa song quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thừa nhận giữa các bên không có xác lập quan hệ lao động nên lời khai của bị đơn trong việc lấy hàng hoá của nguyên đơn bán cho khách hàng, đại lý khu vực Cà Mau nhằm mở rộng và phát triển thị trường cho nguyên đơn là có mâu thuẫn bởi tại thời điểm này, bị đơn là nhân viên của Công ty T, hưởng lương từ Công ty T và trách nhiệm của bị đơn tại Công ty T lúc bấy giờ là phân phối, mở rộng thị trường cho Công ty T. Do đó, lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa về hình thức thỏa thuận mua bán giữa nguyên và bị đơn là mua đứt, bán đoạn được chấp nhận, phù hợp với lời trình bày của bị đơn trong việc không hưởng lợi hoặc hưởng lương từ nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ cho nguyên đơn, còn giữa bị đơn với Công ty Đại Lợi khi nào bị đơn tìm được địa chỉ và có yêu cầu, bị đơn có quyền khởi kiện Công ty Đại Lợi trả lại cho bị đơn số tiền 328.653.612đ ở vụ án dân sự khác. Cũng vì lẽ đó, Tòa án không đưa Công ty Đại Lợi vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

Đối với trách nhiệm của chị O trong vụ án, nguyên đơn thừa nhận chị O không trực tiếp thỏa thuận hay giao dịch với nguyên đơn, cũng không thỏa thuận hoặc xác nhận công nợ với nguyên đơn, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh việc bị đơn mang số tiền bán hàng hóa về phục vụ chi phí sinh hoạt cho gia đình trong khi bị đơn cùng chị O không thừa nhận nên tại phiên tòa, nguyên đơn không đặt ra yêu cầu chị O cùng có trách nhiệm với anh Đ trả số tiền nợ trên là hợp lý. Riêng việc chị O trình bày ý kiến bán nhà, đất cho nguyên đơn để cấn trừ nợ cho anh Đ và yêu cầu nguyên đơn giao lại cho chị O ½ giá trị nhà, đất bởi đây là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì về vấn đề này và cho

rằng việc thỏa thuận trên giữa nguyên đơn, bị đơn cùng chị O sẽ tự thỏa thuận thương lượng sau khi bản án có hiệu lực nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Về thời gian thanh toán, giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Về thủ tục tố tụng, chị Trương Thị Phượng O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng là vợ của anh Lý Chánh Đ (bị đơn) đã có lời khai và xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án. Riêng anh Đ, tuy đã được triệu tập hợp lệ song vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần H.

Buộc anh Lý Chánh Đ trả lại cho Công ty cổ phần H số tiền 651.550.290đ (sáu trăm năm mươi mốt triệu năm trăm năm chục nghìn hai trăm chín chục đồng).

Kể từ ngày Công ty cổ phần H có đơn yêu cầu thi hành án, anh Lý Chánh Đ không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Lý Chánh Đ phải chịu số tiền 30.062.000đ (ba mươi triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng, chưa nộp).

Công ty cổ phần H không phải chịu. Ngày 11/01/2019, đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 15.031.000đ (mười lăm triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai số 0001984 được trả lại toàn bộ cho Công ty cổ phần H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân